

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Văn Dũng.
2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 16/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKKH, cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1975; (vắng mặt)

ĐKKH, cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Văn P kết hôn vào ngày 23/2/1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không chịu khó làm ăn, còn thường xuyên rượu chè và

chửi bới đánh đập vợ con. Từ tháng 10/2018 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Thị H, sinh năm 2000 và Lê Thị Thu T, sinh ngày 18/01/2006. Do cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu T và tự nguyện không đề nghị anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn như chị H đã khai. Sau ngày cưới, vợ chồng anh có xô xát do những bất đồng trong cuộc sống. Từ giữa năm 2018 khi anh đi uống rượu về, chị H nói nhiều nên vợ chồng có cãi nhau và anh đã đuổi chị H về nhà ngoại, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không bỏ vợ bỏ con, nếu chị H cứ cố tình ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu T ý kiến xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nhau.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của hàng xóm nơi anh chị cư trú thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh P chị H đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P thường xuyên rượu chè, tính tình nóng nảy nên hay chửi đánh chị H. Mâu thuẫn vợ chồng chị H đã thực sự trầm trọng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và trước đó đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H và ý kiến nêu trên của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng chị H, anh P đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh P không chăm lo làm ăn, thường xuyên rượu chè rồi về chửi đánh vợ con. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay và không ai quan tâm đến ai. Như vậy anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn anh P là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị H, anh P có 02 con chung, trong đó cháu Lê Thị H đã thành niên nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết. Cháu Lê Thị Thu T xin ở với mẹ, được anh P, chị H nhất trí, nên cần giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với ý chí nguyện vọng của các bên đương sự. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Chị H, anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thu T, sinh ngày 18/01/2006 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000460 ngày 05/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung